TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 667/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2019
V/v Ly hôn, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Bích Vân**

2. Ông **Thiều Đình Thu**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Oanh –** Kiểm sát viên

Trong ngày 20/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc "Ly hôn, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2362/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1957

Địa chỉ: 233/75 (số cũ 233/61) Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung: Ông **Võ Phước H3**, sinh năm 1965

Địa chỉ: chung cư 327/8 đường D, phường I, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền lập ngày 24/11/2016).

Bị đơn: Ông **Lê Văn H1**, sinh năm 1950

Địa chỉ: 233/75 (số cũ 233/61) Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Huỳnh Phi L3** – Luật sư Văn phòng luật sư Quốc Luật thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Thiện P**, sinh năm 1979

2. Ông **Lê Thành L1**, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: 233/75 (số cũ 233/61) Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông P, ông L1: Bà **Đinh Thị Thu L2**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 467 đường K, phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2018).

3. Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1987

Địa chỉ: 224 đường P, phường Q, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Văn phòng Công chứng N3

Địa chỉ: 94 Đường G, phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Ngô Đức N**, sinh năm 1978.

(Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2018)

5. Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 84 đường E, phường Q, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Đỗ Thị Duy H2** và bà **Nguyễn Ngọc Thúy N1** (Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2017).

6. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 20 đường R, phường Q, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Ninh Thị T**, sinh năm 1987.

(Văn bản ủy quyền lập ngày 11/4/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2016, bổ sung ngày 12/12/2016, đơn khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 04/8/2017 và các bản khai, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Lê Văn H1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1978, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, quyển số 01/1978 của UBND phường 4, Quận S, Thành phố Hồ Chí minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp về mọi mặt. Sau đó, ông H1 không cho bà ở chung trong nhà nên bà phải về nhà cha mẹ ruột ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Từ đó đến nay mạnh ai nấy sống không còn quan tâm và trách nhiệm gì đối với nhau. Nay bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: có 02 người con đã thành niên là Lê Thiện P, sinh ngày 20/10/1979 và Lê Thành L1, sinh ngày 07/7/1993, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có :

Căn nhà và đất tại số 233/75 đường Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, được UBND Quận S cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008 ngày 21/01/2008 đứng tên Lê Văn H1. Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng ACB 500.000.000đồng. Bà yêu cầu Tòa án chia đôi các tài sản trên, bà nhận tiền tương đương 50% giá trị tài sản.

Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008 ngày 21/01/2008 do UBND Quận S cấp cho ông Lê Văn H1.

Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 011820 ngày 22/12/2016 tại Văn phòng Công chứng N3.

Yêu cầu hủy bỏ cập nhật đăng bộ ngày 05/01/2017 thay đổi chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008 ngày 21/01/2008 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Lê Văn H1 trình bày:

Ông và bà Trần Thị T kết hôn với nhau vào năm 1978 theo giấy công nhận kết hôn số 37 quyển số 01/1978 do UBND phường 4 Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cuộc sống của ông và bà T những năm gần đây không hạnh phúc bởi giữa hai bên luôn bất đồng quan điểm sống và thường xảy ra tranh cãi với nhau. Vợ chồng rất ít nói chuyện với nhau, phần là do không hòa hợp phần là do bà T có lời nói và hành động xúc phạm ông. Mặc dù ông cũng cố gắng nhường nhịn để không khí gia đình vui vẻ nhưng càng ngày bà T không còn tôn trọng ông trước mặt con cháu và mọi người nên tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Nay bà T có yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: xác nhận đôi bên có 02 người con đã thành niên là Lê Thiện P, sinh ngày 20/10/1979 và Lê Thành L1, sinh ngày 07/7/1993.

Về tài sản chung: xác nhận vợ chồng có gửi tiết kiệm số tiền 500.000.000đồng tại Ngân hàng ACB - chi nhánh Bình Phú nhưng ngày 22/4/2016 ông đã rút ra chi tiêu trong gia đình như: sửa nhà, ngăn vách cho con trai cưới vợ, chữa bệnh cho ông, ông không đưa tiền cho bà T. Hiện nay, số tiền này đã hết.

Căn nhà và đất tại số 233/75 đường Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh không phải là tài sản chung do vợ chồng tạo lập. Nhà, đất có nguồn gốc của mẹ ông cho tiền mua vào năm 1984. Năm 2001, xây dựng mới tại toàn bộ nhà trên nền đất cũ, tiền xây dựng là của mẹ ông và người con lớn Lê Thiện P. Năm 2007, ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở

và quyền sử dụng đất ở, bà T có biết việc này và có làm đơn xác nhận nhà, đất là tài sản riêng của ông. Hiện tại ông đã ký hợp đồng tặng cho 02 người con chung đồng sở hữu nhà, đất trên.

Ông không đồng ý yêu cầu của bà T đòi chia đôi tài sản chung, đòi hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất số 233/75 đường Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; hủy hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà, đất số 233/75 đường Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ký tại Văn phòng Công chứng N3; hủy cập nhật biến động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S cập nhật ngày 05/01/2017.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có bà Nguyễn Ngọc Thúy Ngân đại diện trình bày: Nguồn gốc căn nhà số 233/61 (số mới 233/75) Đường G, phường M, Quận S do ông Lê Văn H1 mua lại của bà Ngô Thanh Nguyệt theo Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà cửa số 280/GP-UB ngày 25/01/1984. Năm 2001, ông H1 sửa chữa lại nhà có Giấy phép xây dựng số 75/GPXD.2001 của UBND Quận S. Năm 2008, ông Lê Văn H1 nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, bà Trần Thị T có Đơn xin xác nhận căn nhà 233/75 Đường G là tài sản riêng của ông Lê Văn H1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 43 Nghị định 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở, UBND Quận S đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008 ngày 21/01/2008 cho ông Lê Văn H1. Từ lúc cấp giấy đến nay, UBND Quận S không nhận được đơn khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận. UBND Quận S cấp giấy chứng nhận cho ông H1 là đúng quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy, không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ của bà Trần Thị T.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S có bà Ninh Thị T đại diện trình bày: Nhà đất tại số 233/75 (số cũ 233/61) Đường G, phường M, Quận S được UBND Quận S cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008 ngày 21/01/2008 cho ông Lê Văn H1. Ngày 22/12/2016, ông Lê Văn H1 tặng cho ông Lê Thành L1 và ông Lê Thiện P theo Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 011820 lập tại Văn phòng Công chứng N3, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S thực hiện xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận ngày 05/01/2017. Việc cập nhật biến động ngày 05/01/2017 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; điểm a khoản 1 Điều 17 và điểm a khoản 1 Điều 18 Thông T 23/2014/TT-BTNMT. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ cập nhật biến động ngày 05/01/2017 của bà Trần Thị T.

3. Văn phòng công chứng N3 có ông Ngô Đức N đại diện trình bày: Vào ngày 22/12/2016, ông Lê Văn H1 có đến Văn phòng công chứng yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho nhà ở và đất ở tọa lạc tại số 233/75 Đường G phường 5, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Lê Thành L1 và ông Lê Thiện P. Sau khi tiếp nhận yêu cầu công chứng và kiểm tra hồ sơ giấy tờ nhà yêu cầu giao dịch, giấy tờ nhân thân của các ông H1, L1, P là hợp pháp, đầy đủ theo quy định pháp luật nên Văn phòng công chứng soạn thảo hợp đồng tặng cho, các bên đã tự đọc và tự nguyện ký vào hợp đồng trước mặt công chứng viên. Văn phòng công chứng N3 không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 011820 ngày 22/12/2016 vì hợp đồng nêu trên là hợp pháp.

4. Ông Lê Thiện P và Lê Thành L1 có ông Đỗ Mạnh Thắng đại diện trình bày: các ông là con của bà T – ông H1. Ngày 22/12/2016, ông H1 ký hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở căn nhà số 233/75 Đường G, phường M, Quận S cho ông L1, ông P tại Văn phòng Công chứng N3. Ông P, ông L1 đã nhận nhà, hoàn tất thủ tục kê khai lệ phí trước bạ và đăng ký quyền sở hữu tại cơ quan có thẩm quyền. Ông L1, ông P không đồng ý yêu cầu của bà T đòi chia tài sản là căn nhà số 233/75 Đường G, phường M, Quận S vì đây là tài sản riêng của ông H1 đã tặng cho các ông hợp pháp.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: bà là vợ của ông Lê Thiện P, là con dâu của bà Trần Thị T và ông Lê Văn H1. Việc bà T khởi kiện ông H1 về việc "Ly hôn và chia tài sản chung", bà xác định không có yêu cầu và liên quan gì đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn H1 vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung. Về con chung: 02 người con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà vẫn giữ yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S và số tiền gửi tiết kiệm 500.000.000đồng. Bà đồng ý giao nhà, đất cho ông H1 và nhận tiền Tơng đương 50% giá trị tài sản. Bà vẫn giữ yêu cầu hủy giấy chứng nhận, hủy cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của UBND Quận S cấp cho ông Lê Văn H1, hủy hợp đồng tặng cho nhà số 233/75 Đường G, phường M, Quận S ký tại Văn phòng công chứng N3 ngày 22/12/2016. Bà đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Ông Võ P H1 đại diện cho bà T về phần giải quyết tài sản chung trình bày: Nguồn gốc nhà, đất sồ 233/75 Đường G, phường M, Quận S do ông H1 đứng tên mua, tiền mua của mẹ ông H1 cho. Tài sản được cho trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng. Năm 2001, sửa nhà, ông H1 cho rằng tiền sửa nhà là

của mẹ ông và người con trai lớn nhưng lúc đó người con chỉ 22 tuổi nên không thể có tiền sửa nhà. Đối với Đơn xin xác nhận ngày 02/10/2007 không phải là chữ ký bà T. UBND Quận S căn cứ vào Đơn xin xác nhận này cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho một mình ông H1 là không đúng quy định pháp luật, bà T chỉ xác nhận căn nhà 233/75 là tài sản riêng còn đất là tài sản chung. Đề nghị Tòa hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của UBND Quận S cấp cho ông H1. Việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của UBND Quận S cấp cho ông H1 ngày 21/01/2008 thì đương nhiên việc ký hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở giữa ông H1, ông P, ông L1 là vô hiệu phải hủy bỏ và hủy bỏ luôn phần cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 05/01/2017 do không đúng chủ sở hữu.

Bị đơn ông Lê Văn H1 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; 02 người con chung đã thành niên muốn sống với cha hay mẹ tùy ý. Về tài sản chung: căn nhà số 233/75 Đường G, phường M, Quận S có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của UBND Quận S cấp ngày 21/01/2008 là tài sản riêng của ông, bà T đã có văn bản xác nhận tài sản của ông. Ngày 22/12/2016, ông đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở căn nhà số 233/75 Đường G, phường M, Quận S cho 02 con trai là ông L1, ông P tại Văn phòng Công chứng N3. Bà T yêu cầu chia nhà, đất và nhận tiền ông không chấp nhận. Về số tiền gửi tiết kiệm, ông xác nhận vợ chồng có gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Bình Phú số tiền 500.000.000đồng. Ngày 22/4/2016, ông đã rút toàn bộ số tiền này và hiện đã chi tiêu hết, ông không còn tiền để chia lại cho bà T, không đồng ý yêu cầu của bà T đòi chia số tiền tiết kiệm, đòi hủy giấy chứng nhận, hủy hợp đồng tặng cho nhà ở và hủy cập nhật thay đổi chủ sử dụng của 02 người con. Về kết quả định giá ông đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đại diện Văn phòng công chứng N3, đại diện Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh Quận S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, đại diện ông Lê Thiện P, ông Lê Thành L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Huỳnh Phi L2: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Lê Văn H1.

Về tài sản chung: số tiền gửi tiết kiệm 500.000.000đồng, ông H1 đã rút ra ngày 22/4/2016. Ông H1 chi tiêu bà T biết nhưng không khiếu nại, không tranh chấp. Do đó tiền đã chi tiêu hết không có căn cứ buộc ông H1 phải chia cho bà T. Căn nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh được UBND Quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là đã công nhận ông H1 có quyền sở hữu tài sản. Việc cấp giấy có

ý chí của bà T thừa nhận là tài sản riêng của ông H1 vì bà T biết rõ nguồn gốc tài sản này của mẹ ông H1. Bà T và đại diện của bà T không thừa nhận là không đúng vì biểu mẫu Đơn xin xác nhận của UBND phường 5, Quận S và có xác nhận chữ ký tại UBND phường. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 43 Nghị định 90/2006/NĐ-CP việc cấp giấy chứng nhận cho ông H1 là đúng. Căn cứ Điều 118, Điều 120 Luật Nhà ở năm 2015, ông H1 ký hợp đồng tặng cho nhà, đất cho 02 người con là hợp pháp. Ông P, ông L1 đăng ký quyền sở hữu tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Quận S là theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền hạn được giao. Bà T có yêu cầu hủy giấy chứng nhận, hủy cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho ông H1, hủy văn bản công chứng; Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý là đúng thẩm quyền theo Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, đại diện UBND Quận S vắng mặt nhưng các đương sự đều đồng ý xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử không vi phạm pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét nguyên đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu chia số tiền tiết kiệm 500.000.000đồng và căn nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S cho mỗi bên được nhận 50% giá trị tài sản; nhận thấy: Tại phiên tòa, bà T và ông H1 thống nhất xác định hai bên không thể tiếp tục cuộc sống chung và đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về căn nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S có Giấy phép chuyển nhượng, mua bán thể hiện ông H1 mua của bà Ngô Thanh Nguyệt vào năm 1984, ông H1 đã nộp lệ phí trước bạ. Năm 2001, ông H1 xin giấy phép xây dựng sửa nhà. Bà T thừa nhận tiền mua nhà là của mẹ chồng cho nên để một mình ông H1 đứng tên. Ngày 02/10/2007, bà T có Đơn xin xác nhận nhà là tài sản riêng của ông H1. Thời điểm năm 1984 pháp luật không phân định rõ mua nhà hay mua đất nên việc mua bán nhà là có đất xây dựng nhà. Về yêu cầu giám định, bà T đã rút yêu cầu nên Tòa án không thực hiện giám định là có cơ sở. Đối với số tiền 500.000.000đồng là tài sản chung nhưng ông H1 đã rút ra chi tiêu nên đề nghị Tòa án chia cho bà T ½ là 250.000.000đồng. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hủy hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hủy cập nhật thay đổi chủ sử dụng nhà, đất của bà T không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận. Án phí: các đương sự đều trên 60 tuổi, căn cứ quy định pháp luật đề nghị miễn toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị T có yêu cầu ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn; bị đơn ông Lê Văn H1 cư trú tại 233/75 Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 22/11/2017, bà Trần Thị T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008/GCN ngày 21/01/2008 đối với nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 011820 tại Văn phòng công chứng N3 đối với nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Yêu cầu hủy cập nhật biến động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S đã cập nhật biến động ngày 05/01/2017 đối với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008/GCN ngày 21/01/2008. Căn cứ Điều 34, Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận S chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S, đại diện Văn phòng công chứng N3, bà Nguyễn Thị Ngọc D, đại diện ông Lê Thiện P, ông Lê Thành L1 có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. UBND Quận S vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều chấp nhận xét xử vắng mặt UBND Quận S. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo đề nghị của đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn H1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1978, có đăng ký kết hôn theo Giấy công nhận kết hôn số 37 quyển số 01/1978 ngày 24/8/1978 của UBND Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Từ năm 2016, giữa đôi bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình, trong mối quan hệ giữa bà T và con dâu. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Tháng 7 năm 2016, bà T về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng không còn quan tâm và trách nhiệm gì đối với nhau. Bà T yêu cầu được ly hôn ông H1 vì mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với chồng. Ông H1 cũng thừa nhận trong thời gian sống chung với bà T tuy không có mâu thuẫn gì lớn nhưng tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống ly thân

từ tháng 7/2016 đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông H1.

Về con chung: bà T và ông H1 thống nhất khai nhận ông bà có 02 người con chung là Lê Thiện P, sinh ngày 20/10/1979 và Lê Thành L1, sinh ngày 07/7/1993. Các người con đều đã thành niên nên ông bà không yêu cầu Tòa xem xét việc nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản chung: Bà T khai vợ chồng có tạo lập được căn nhà, đất số 233/75 (số cũ 233/61) Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008/GCN của UBND Quận S cấp ngày 21/01/2008 đứng tên ông Lê Văn H1 và số tiền 500.000.000đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Bình Phú. Ông H1 thừa nhận vợ chồng có số tiền 500.000.000đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Bình Phú nhưng ông đã rút về chi tiêu hết không còn tiền để chia cho bà T. Riêng căn nhà, đất số 233/75 (số cũ 233/61) Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh không phải là tài sản chung vợ chồng. Nguồn gốc nhà do ông đứng tên mua của bà Ngô Thanh Nguyệt vào tháng 10/1984 nhưng tiền mua nhà là của mẹ ông. Năm 2001, ông xin phép xây dựng sửa chữa lại toàn bộ căn nhà. Năm 2007, ông tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, bà T có đơn xác nhận căn nhà 233/75 là tài sản riêng của ông. Năm 2016, ông đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà, đất cho 02 người con Lê Thành L1, Lê Thiện P đồng sở hữu. Các người con đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S vào ngày 05/01/2017.

Hội đồng xét xử xét: Tại văn bản ngày 05/7/2017 của Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng giao dịch Bình Phú (gọi tắt Ngân hàng ACB) có cung cấp cho Tòa án thông tin: ngày 22/4/2015, ông Lê Văn H1 có gửi tiết kiệm số tiền 500.000.000đồng tại Ngân hàng ACB, ngày 22/4/2016 Ngân hàng đã tất toán trả lại số tiền 500.000.000đồng cho ông H1. Hiện nay, ông H1 không còn gửi khoản tiền nào. Ông H1 cũng thừa nhận ông đã rút toàn bộ tiền tiết kiệm để chi tiêu vào việc sửa nhà, ngăn vách nhà cho con trai cưới vợ, chi phí khám chữa bệnh cho con, cháu nên đã hết. Bà T không thừa nhận, ông H1 không chứng minh được sử dụng tiền chi tiêu nhằm vào việc thiết yếu của gia đình. Xét số tiền trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên khi ly hôn phải được phân chia, yêu cầu của bà T đòi được chia 50% số tiền và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông H1 phải có trách nhiệm giao lại cho bà T ½ số tiền là 250.000.000đồng.

Đối với căn nhà số 233/61 (số mới 233/75) Đường G, phường M, Quận S nhận thấy: Theo Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà ngày 25/01/1984 thì ông H1 là người đứng tên mua của bà Ngô Thanh Nguyệt. Năm 2001, ông H1 xin giấy phép xây dựng sửa chữa lại nhà. Tại Đơn xin xác nhận ngày 22/12/2007

của bà Trần Thị T có xác nhận chữ ký bà T của UBND phường 5, Quận S; nội dung đơn bà T xác nhận căn nhà 233/75 là tài sản riêng của ông Lê Văn H1. Xét, mặc dù tài sản là nhà, đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà T – ông H1 nhưng bà T đã thừa nhận là tài sản riêng của ông H1. Do đó, việc bà T yêu cầu chia đôi tài sản này là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện bà T cho rằng chỉ thừa nhận căn nhà là tài sản riêng còn đất là tài sản chung cũng không có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận.

Về yêu cầu của bà T đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của UBND Quận S cấp ngày 21/01/2008, hủy hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở giữa ông H1, ông P, ông L1 tại Văn phòng công chứng N3, hủy cập nhật thay đổi chủ sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên Lê Văn H1; Hội đồng xét xử xét: Năm 2008, ông H1 nộp hồ sơ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của căn nhà, đất số 233/61(số mới 233/75) Đường G, phường M, Quận S. Nhà, đất đã có Giấy phép mua bán, chuyển dịch ngày 25/01/1984; có Giấy phép xây dựng số 75.2001; có sơ đồ vị trí nhà, đất; bà T có Đơn xin xác nhận căn nhà là tài sản riêng của ông H1. Căn cứ khoản 2 Điều 12 Luật Nhà ở năm 2005, UBND Quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Lê Văn H1 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Ngày 22/12/2016, ông H1 ký hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S cho ông Lê Thiện P, ông Lê Thành L1; hợp đồng có công chứng tại Văn phòng công chứng N3. Ngày 05/01/2017, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S đã cập nhật thay đổi tên chủ sở hữu nhà, đất. Việc tặng cho tài sản và đăng ký thay đổi chủ sở hữu tài sản phù hợp quy định tại Điều 118, khoản 3 Điều 120, Điều 121, Điều 122 Luật Nhà ở năm 2015. Do đó yêu cầu của bà T không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000đồng nguyên đơn phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, ông H1 mỗi người phải chịu 250.000.000đ x 5% = 12.500.000đ. Tuy nhiên bà T, ông H1 đều đã trên 60 tuổi. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bà T, ông H1 được miễn toàn bộ án phí.

Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà T.

Tiền chi phí tố tụng (định giá) nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 34; Điều 41; Điều 217; Điều 218, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 33, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 459 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 120, 121,122 Luật Nhà ở năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Lê Văn H1.

Giấy công nhận kết hôn số 37 quyển số 01/1978 ngày 24/8/1978 của UBND Quận S không còn gía trị pháp lý kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: các người con chung Lê Thiện P, sinh ngày 20/10/1979 và Lê Thành L1, sinh ngày 07/7/1993 đã đủ tuổi thành niên.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn H1 có trách nhiệm giao cho bà Trần Thị T số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu ông H1 chưa thực hiện xong số tiền trên thì hàng tháng ông H1 còn phải chịu thêm tiền lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành án Tơng ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008/GCN của UBND Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/01/2008 đứng tên Lê Văn H1; hủy hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà, đất số 233/75 Đường G, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh giao kết giữa ông Lê Văn H1, ông Lê Thiện P, ông Lê Thành L1 được chứng nhận tại Văn phòng công chứng N3 ngày 22/12/2916; hủy cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 05/01/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận S trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 254/2008/GCN ngày 21/01/2008 của Uỷ ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: bà T, ông H1 được miễn.

Trả lại bà Trần Thị T tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn)đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0003773 ngày 05/10/2016 và tiền tạm ứng án phí 7.000.000 (Bảy triệu)đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0028013 ngày 11/8/2017 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án sơ thẩm xử công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**